

Số: 283 /CKDK-TCKT
V/v: Giải trình báo cáo tài chính đã được kiểm toán
năm 2018

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
ỦY BAN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) xin gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia và các Sở Giao dịch lời chào trân trọng.

Theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán, Tổ chức niêm yết phải giải trình rõ nguyên nhân dẫn khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
- b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý II đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý IV đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;
- d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

Theo đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí xin giải trình về biến động kết quả kinh doanh của năm 2018 (kỳ công bố) so với năm 2017 như sau:

MÃ	CHỈ TIÊU	NĂM 2018	NĂM 2017	THAY ĐỔI % GIỮA NĂM 2018 và NĂM 2017
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	DOANH THU HOẠT ĐỘNG	99,782,608,715	88,690,945,637	13%
	Trong đó:			
1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	11,584,083,601	7,311,995,986	58%
1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	-	0%
1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	34,487,610,558	31,353,616,908	10%
1.4	Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	308,234,792	1,266,801,005	-76%
1.5	Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	-	-	0%
1.6	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	25,199,553,235	25,666,836,519	-2%
1.7	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	39,347,962	64,297,182	-39%
1.8	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	100,000,000	0%
1.9	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	8,589,078,414	8,470,078,463	1%
1.10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	16,367,897,725	9,926,524,863	65%
1.11	Thu nhập hoạt động khác	3,206,802,428	4,530,794,711	-29%
2	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	3,015,906,116	2,526,628,009	19%
	Trong đó:			
2.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	10,043,015	31,915,295	-69%
2.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	3,005,863,101	2,494,712,714	20%
2.3	Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	-	-	0%
2.4	Doanh thu khác về đầu tư	-	-	0%
3	TỔNG DOANH THU	102,798,514,831	91,217,573,646	13%
4	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	70,512,446,497	44,293,630,456	59%
5	CHI PHÍ TÀI CHÍNH	10,927,601	39,715,028	-72%
6	CHI PHÍ BÁN HÀNG	-	-	0%
7	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	27,840,636,181	29,225,321,085	-5%
8	TỔNG CHI PHÍ	98,364,010,279	73,558,666,569	34%
9	Kết quả hoạt động khác	890,853,638	86,739,428	927%
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5,325,358,190	17,745,646,505	-70%
11	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành			
12	Lợi nhuận Kế toán sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	5,325,358,190	17,745,646,505	-70%
13	Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	(12,500,000,000)	0%

Lợi nhuận sau thuế Năm 2018 giảm 70% so với cùng kỳ năm 2017 do nguyên nhân chủ yếu sau:

Trong Năm 2018, công ty đã có nhiều nỗ lực trong hoạt động kinh doanh để đạt được mức doanh thu cao nhằm hoàn thành kế hoạch năm. Cụ thể là: Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ tăng 58%; Lãi từ các khoản cho vay và phải thu tăng 10%; Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán tăng 1%; Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính tăng 65%; Doanh thu, dự thu cổ tức lãi tiền gửi không cố định tăng 20%. Bên cạnh các hoạt động tăng trưởng doanh thu vẫn có những hoạt động kinh doanh giảm so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể: Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) giảm 76%; Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán giảm 2%; Thu nhập hoạt động khác giảm 29%; Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán giảm 39%; Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện giảm 69%. Tuy nhiên, những hoạt động kinh doanh có doanh thu tăng so với cùng kỳ năm ngoái chiếm tỷ lệ cao và có mức tăng cao nên tổng doanh thu toàn công ty tăng 13% so với cùng kỳ năm trước.

Về chi phí, trong Năm 2018, công ty có thực hiện trình bày lại báo cáo theo những quy định mới về Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán và công ty thực hiện chiến lược phát triển mạng lưới do đó tổng chi phí của công ty có tăng so với cùng kỳ năm ngoái là 34%.

Do doanh thu tăng 13% và chi phí tăng 34% như phân tích ở trên do vậy lợi nhuận sau thuế Năm 2018 của công ty giảm 70% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trên đây là một số nguyên nhân chủ yếu dẫn đến biến động trong kết quả kinh doanh Năm 2018 so với cùng kỳ năm trước của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí.

Kính báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu VT, TCKT.



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Hưng

